

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-5-2023

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Mạnh Nhanh.

ông Nguyễn Tiến Bộ.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Duy Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Đỗ Thị B, sinh năm 1997.

- *Bị đơn:* anh Lê Văn C, sinh năm 1992.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn có mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đỗ Thị B trình bày:

Chị và anh Lê Văn C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày

24/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh C tại thôn T, xã H và làm lao động tự do. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh C rượu chè, chửi bới, đánh đập và không cho chị về chơi nhà bố mẹ đẻ, không cho chị đi làm. Mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn nhưng anh C không thay đổi. Thực tế vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: vợ chồng có ba con chung là cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 07/4/2014; cháu Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 21/01/2016 và cháu Lê Thị Việt H, sinh ngày 19/01/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cả 03 con chung đều đang ở với bố là anh Lê Văn C và ông bà nội.

Nay ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung, còn nếu anh C không đồng ý thì chị đề nghị được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Lê Thị Yến Nh và cháu Lê Thị Việt H. Chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn C: hiện có hộ khẩu và đang cư trú tại thôn T, xã H, huyện M. Tuy nhiên Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh C đều vắng mặt không lý do.

Tòa án đã lấy lời khai của anh Lê Văn C tại nơi ở, anh C cho biết: anh và chị Đỗ Thị B, sinh năm 1997 tự nguyện kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 24/4/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm lao động tự do và sinh sống tại xã H. Quá trình chung sống đến tháng năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 4 năm 2021 chị B bỏ đi, không về nhà anh nữa, từ đó không ai còn quan tâm đến ai. Mặc dù đã cố gắng nhưng đều không có kết quả. Nay chị B có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh xác nhận vợ chồng có ba con chung như chị B trình bày. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cả 03 con chung đều đang ở với anh và ông bà nội. Chị B không về thăm nom, chu cấp nuôi con. Nay chị B xin ly hôn, quan điểm của anh là đề nghị nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh đang làm lái máy cày và thợ xây, công việc sáng đi tối về, thỉnh thoảng làm thêm lăn sơn. Thu nhập trung bình khoảng 06

triệu đồng đến 07 triệu đồng/1 tháng. Anh vẫn có thời gian chăm sóc, dạy dỗ các con, còn nếu anh đi làm thì có thể nhờ ông bà nội chăm sóc các con.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: anh C xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh C vắng mặt, chị B giữ nguyên yêu cầu và trình bày: hiện nay chị có 01 cửa hàng chăm sóc sức khỏe tại số nhà 29, ngõ 37 Bằng Liệt, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, với thu nhập trung bình hàng tháng là 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng. Chị có đầy đủ điều kiện về thu nhập, về thời gian để chăm sóc, nuôi dạy con chung một cách tốt nhất và các con hiện còn nhỏ, là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Còn anh C làm lao động tự do, không có công việc ổn định, thu nhập bấp bênh, thỉnh thoảng có ai thuê thì đi lặn sơn; mặt khác gia đình nhà anh C có đông nhân khẩu, nhiều thế hệ cùng chung sống, bố anh C và anh C đều thường xuyên sử dụng rượu bia nên hay chửi mắng con, cháu, nên anh C không đủ điều kiện để nuôi dạy, chăm sóc cả 03 con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức phát biểu quan điểm:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Đỗ Thị B đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh Lê Văn C dù được triệu tập và giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không đến làm việc, nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị B. Cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã kéo dài, cuộc sống chung không tồn tại, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đỗ Thị B được ly hôn anh Lê Văn C.

Về con chung: xét thấy vợ chồng có 03 con chung còn nhỏ, từ khi vợ chồng ly thân 03 con chung đều đang ở với bố là anh C, 02 cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 07/4/2014 và cháu Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 21/01/2016 có nguyện vọng ở với bố, nên đề nghị giao 02 cháu Lê Thị Thu H và cháu Lê Thị Yến Nh cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thị Việt H, sinh ngày 19/01/2019 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của anh C và chị B không yêu cầu các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị Đỗ Thị B và anh Lê Văn C trình bày không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: chị Đỗ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Đỗ Thị B khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn C có hộ khẩu và nơi cư trú tại thôn T, xã H, huyện M, đã nộp tạm ứng án phí là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội.

Anh Lê Văn C dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không đến làm việc. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị B và anh Lê Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký, là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm sống, nên cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Thực tế từ năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị B xin ly hôn, anh C đồng ý.

Xét thấy các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh C bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị B, quan điểm đồng ý của anh C và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: xét yêu cầu nuôi ba con chung là cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 07/4/2014; cháu Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 21/01/2016 và cháu Lê Thị Việt H, sinh ngày 19/01/2019 của hai bên đương sự thì thấy: chị Đỗ Thị B có điều kiện kinh tế bảo đảm hơn so với anh Lê Văn C, mặt khác do gia đình anh C đông nhân khẩu, các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em bị hạn chế nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị B, theo đó giao cháu Lê Thị Việt H cho anh Lê Văn C và giao các cháu Lê Thị Yến Nh, Lê Thị Thu H cho chị Đỗ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi

khác là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị B và anh Lê Văn C đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị Đỗ Thị B và anh Lê Văn C đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí: chị Đỗ Thị B chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị B được ly hôn anh Lê Văn C.

2. Về con chung: giao con chung là cháu chị Lê Thị Thu H, sinh ngày 07/4/2014 cho anh Lê Văn C và giao con chung là các cháu Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 21/01/2016 và cháu Lê Thị Việt H, sinh ngày 19/01/2019 cho chị Đỗ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị B và anh Lê Văn C đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Văn C và chị Đỗ Thị B cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Lê Văn C và chị Đỗ Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: đương sự xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Đỗ Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00039198 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỹ Đức.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã H (nơi đăng ký kết hôn);
- Dương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Hiệp

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đức Hiệp